TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN C
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 334/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 28/7/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C – TP. HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thủy Tiên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Lan
2. Bà Võ Thanh Nga
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận C tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận C, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định hoãn phiên tòa số 398/2022/QĐST – HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 401/2022/QĐXX - ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H , sinh năm 1996
Địa chỉ: đường A, Phường B, Tp. C, Tp. Hồ Chí Minh
Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H , sinh năm 1993
Trú tại: đường D, Phường E, Quận F, Tp. HCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2021, bản tự khai và các biên bản làm việc tiếp sau đó, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bà và ông H tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận D, Tp. Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2015 ngày 09/03/2015. Theo bà H thì cuộc sống chung của vợ chồng xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng mọi mặt của cuộc sống. Trong thời gian sống chung, ông H không lo làm ăn và còn nhiều lần gây gổ đánh đập. Hai bên đã sống ly thân, nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc và không thể hàn gắn nên bà H yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà H khai nhận quá trình chung sống bà và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thùy L , sinh ngày 08/08/2015. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, bà H tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tống đạt thông báo

thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử đến lần thứ 2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Phía bị đơn không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không thể thu thập ý kiến của bị đơn.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường C, Quận D, Tp. HCM " Đương sự Nguyễn Văn H , sinh năm 1993 có hộ khẩu thường trú tại đường D, Phường E, Quận F, hiện đang tạm trú tại đường G, Phường H, Quận C"

Kết quả xác minh của Công an Phường 16, Quận 4 " Đ/s Nguyễn Văn Hoàng, sinh năm 1993 không có hộ khẩu thường trú đường G, Phường H, Quận C, hiện có lưu trú tại số đường D, Phường E, Quận F, hiện thực tế cư trú tại địa phương."

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; phía bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt lần thứ hai, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung của vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Bà Nguyễn Thị Kim H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H , ông H hiện đang lưu trú và thực tế sinh sống tại đường D, Phường E, Quận F, Tp. Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn H chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, Quận F, Tp. HCM. Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2015, do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận F cấp ngày 09/3/2015. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H là hôn nhân hợp pháp. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông H vì cuộc sống chung của vợ chồng xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng mọi mặt của cuộc sống. Trong thời gian sống chung, ông H không lo làm ăn và còn nhiều lần gây gổ đánh đập bà. Hai bên đã sống ly thân một thời gian. Tòa án cũng nhiều lần triệu tập ông H để hòa giải quan hệ hôn nhân tạo điều kiện để các đương sự hàn gắn, đoàn tụ nhưng bị đơn không đến, không có ý kiến. Căn cứ biên bản xác minh tại địa phương ".. Hiện tại tại địa chỉ đường D, Phường E, Quận F chỉ có một mình ông H sinh sống, bà H không sinh sống tại địa chỉ này, thời gian khi nào thì không rõ. Việc bà H và ông H sống hạnh phúc hay không không rõ vì bà Hằng không sống ở

đây, đây là việc riêng của bà H và ông H ". Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông H là có, hai bên đã sống ly thân và tình trạng mâu thuẫn là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, bà H yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và bản sao Giấy khai sinh do nguyên đơn cung cấp thì có cơ sở xác định bà H và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thùy L , sinh ngày 08/08/2015. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, bà H tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 9; 53; 56; 57; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và Gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim H .

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H (Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2015, do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận F cấp ngày 09/3/2015)

- Về con chung: Xác định Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn H có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thùy L , sinh ngày 08/08/2015.

Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Thùy L cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tự thỏa thuận việc cấp dưỡng.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở nhưng ông không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Kim H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008671 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà H đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận C;
- Chi cục THADS Quận C;
- Cơ quan cấp GCN ĐKKH;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Hồ Thị Thủy Tiên